

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

Từ tháng 01 năm 2023

TT	Giáo viên	Kiểm nhiệm	Chủ nhiệm lớp	Phân công chuyên môn	Số tiết
1	Nguyễn Thị Hải Đăng	TTCM= 3t	7B2 =4t	Toán (7B1,7B2) = 8t, Toán 8C4=4t	19
2	Lê Viết Cường	TTND=2t, TPCM(1t)		Toán (7B3,7B4, 9D3) = 12t; MT (8C3,8C4, 8C5) = 3t; Tin 6A4 =1t	19
3	Nguyễn Hải Yến		8C2 =4t	Toán (8C2) = 4t; Lý (9D1, 9D4,9D5) = 6t; TC Tin 8C1 =2t; TD (8C5) =2t, Tin 6A5(1t)	19
4	Nguyễn Thị Nguyệt		9D2 =4t	Toán (9D1,9D2) = 8t; GDCD (9C3,9C4,9C5) =3t; CNghệ 8C4 =2t, STEM Khối 7 (2t)	19
5	Nguyễn Thị Thu Tinh		7B4 =4t	Tin học (6A123)= 3t; Tin Khối 7 = 4t; TCTin (8C3) = 2t; Toán 8C5 =4t, ôn ĐT Tin (2t)	19
6	Nguyễn Thị Thùy Dương	TKHD=2t	6A1= 4t	Toán (6A1, 6A3) = 8t; HĐTN (6A1)= 3t; CNghệ 8C5=2t, STEM Khối 8C1,2,4,5 (2t)	19
7	Hoàng Thị Thu	UVCD=1t	6A2 = 4t	Toán (6A2, 6A4) =12t; GDCD (9C1,9C2) = 2t,	19
8	Ngô Quốc Tuấn		8C3= 4t	Toán (8C3,8C1)= 8t; HĐNG (8C1,8C2)= 1t; STEM 6A4,6A5, 8C3 (2t), HĐTN 7B1,B3, 6A1 (9t)	24
9	Nguyễn Thị Luyến		8C5= 4t	Lý (8C5) = 1t; Lý (9D2,9D3)= 4t; KHTN (7B3,7B4)= 8t, STEM 9D1,D2,D3,D4 (2t)	19
10	Lê Thị Thắm			CNghệ: K6= 5t, K7= 4t, CNghệ 9D1,2,3,4= 4t, CNghệ 8C1,8C2,8C3= 6t	19
11	Lê Thị Thanh		9D4= 4t	Toán (9D4,9D5) = 8t; Lý (8C1,C2,C3,C4)= 4t; HĐNG (9D4, 8C5)= 2t, STEM 9D5, 6A3 (1t)	19
12	Lê Hồng Nhung	TTCM= 3t		N.Văn (9D2,9D4)= 10t, Văn 7B2,6A4 = 8t; LS&DL khối 7B3,B4=3t, ôn đội tuyển Văn (2t)	26
13	Nông Thị Thu Thảo		7B1= 4t	N.Văn (7B1,7B4)= 8t; Sử K9= 5t, GDCD 6A1,2 (2t)	19
14	Nguyễn Thị Phương Thảo			N.Văn (8C1,8C4)= 8t; GDCDK8= 5t, GDCD 6A3,4,5 (3t); GDĐP (6A2) =1t, GDĐP (6A4)= 1t, Lịch sử &Địa lý K6=7,5t; HĐNG 9D1 (0,5t)	26
15	Hà Thị Anh Thơ	TPCM=1t	6A3= 4t	N.Văn (6A3,A2,A5)= 12t; GDĐP (6A1,6A3)= 2t	19
16	Nguyễn Thị Bầy			N.Văn (8C2,8C5)= 8t; Sử K8= 10t; GDĐP (6A5)= 1t, GDCD Khối 7 (4t) , LS&DL 7B1,7B2 (3t)	26
17	Nguyễn Thị Ngọc		9D3= 4t	N.Văn (9D1,9D3,9D5)= 15t	19
18	Đoàn Thị Thanh Huệ			Nghỉ thai sản	19
19	Phạm Thị Lan	UVCD= 1t,	7B3= 4t	N.Văn (7B3,6A1)= 8t; GDĐP K7= 4t,	19
20	Đỗ Thị Huế	TTCM= 3t		NNgữ (8C3, 9D2,9D3)= 9t; ; TD 7B4 =(2t), HĐTN 6A3, 7B3 (6t)	19
21	Nguyễn Ánh Dương			NNgữ (6A5, 7B2,7B3,7B4, 8C4,8C5)= 18t; MT 7B4= 1t	19
22	Nguyễn Thị Hương		7B2= 4t	NNgữ (7B1, 8C1,8C2)= 9t; NNgữ (9D1,9D4) = 4t, TD7B4 (2t)	19
23	Cao Thị Lan		6A4= 4t	NNgữ (6A1,6A2,6A3,6A4) = 12t, NNgữ(9D5)= 2t; HĐNG (8C3,8C4,)= 1t	19
24	Hà Thị Huệ	CTCD= 3t		GDTC K6= 10t; GDTC (7B1,7B2,7B3)= 6t	19
25	Nguyễn Thị Lương	TPCM= 1t, UVCD= 1t	9D5= 4t	Sinh (8C3)= 2t; Sinh K9= 10t, Công nghệ 9D5 (1t)	19
26	Đoàn Thị Hậu		9D1= 4t	Hóa (9D1)= 2t; Hóa (8C4,8C5)= 4t; KHTN 6A1,6A2 =8t, Địa 8C5=1t	19
27	Phạm Thị Hoàng Hải			Địa 8C1,2,3 =3t; Sinh (8C1,8C2,8C4,8C5)= 8t; Hóa 8C2, 9D5=4t, Địa 9D3, 4,5(3t), QL phòng học bộ môn (3t), Trải nghiệm 6A2 (3t)	24
28	Hoàng Thị Thảo Ly		6A5= 4t	Hóa (8C1,8C3)= 4t; KHTN 6A5,6A4 = 8t; HĐTN 6A5= 3t	19

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

Từ tháng 01 năm 2023

TT	Giáo viên	Kiểm nhiệm	Chủ nhiệm lớp	Phân công chuyên môn	Số tiết
29	Phạm Thị Hồng Vân			Nhạc K89= 10t; N.Thuật 6= 5t; N.Thuật 7B1,7B2= 2t; MT (7B2,7B3)= 2t	19
30	Trịnh Thị Thùy	TPT= 11t		N.Thuật (7B3,7B4)= 2t; MT K6= 5t; MT (7B1)= 1t	19
31	Trịnh Thị Quỳnh			Thể dục (8C1,C2,C3,C4)= 8t, TD K9= 10t, HĐNG 9D3,D5 (1t)	19
32	Lê Thị Hoa		8C4= 4t	Hóa 9D2,3,4= 6t; KHTN 7B1,7B2= 8t; Địa 8C4=1t; Mĩ thuật 8C1(1t); HĐTN 6A4(3t), ôn đội tuyển Hóa (3t)	26
33	Nguyễn Thu Vân	con nhỏ (3t)		Lịch sử & Địa lý K6= 7,5t, K7= 6t; Địa 9D1,2= 2t, HĐNG 9D2 (0,5t)	19
34	Vũ Thị Thanh Minh	con nhỏ (3t)		TCTin 8C2,8C4, 8C5= 6t; TCTin K9= 10t	19
35	Đặng Thị Thảo	HT		HN K9= 1t, STEM 6A1,6A2= 1t	2
36	Hoàng Thị Tuyền	HP		Toán 6A5=4t	4
37	Nguyễn Thị Loan	HP		N.Văn 8C3= 4t	4

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Loan